

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 507/2019/DS-PT
Ngày: 22 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 457/2019/QĐPT ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Quang Th; Địa chỉ: thôn 3, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2/ Ông Đặng Văn T;

3/ Ông Đặng Văn T1;

4/ Ông Đặng Quang T2;

5/ Ông Ngô Đức Ch

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T, ông T1, ông T2 và ông Ch: Ông Nguyễn Quang Th; Địa chỉ: thôn 3, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019), (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Đào Văn Kh (vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị H - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho ông Kh (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Văn bản ủy quyền số 421/UBND-VP ngày 28/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ), (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2019 của đồng nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quang Th là nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông T, ông T1, ông T2 và ông Ch trình bày:*

Nguồn gốc con đường hiện nay đang tranh chấp là do ông Th cùng với ông Đặng Văn T, Đặng Văn T1, Đặng Quang T2, Ngô Đức Ch trực tiếp khai hoang và mở đường vào năm 1988, thời điểm đó các ông làm rẫy phía trong, không có đường đi lại nên đã khai hoang và tự mở đường sử dụng từ đó đến nay. Sau đó đất này do ông H1, bà H2 khai hoang và sử dụng. Đến năm 2004 chuyển nhượng lại cho ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H, tại thời điểm chuyển nhượng con đường vẫn còn nguyên hiện trạng. Năm 2014 gia đình ông Th, ông T, ông T1, ông T2, ông Ch và ông Kh, bà H cùng nhau góp tiền và ngày công đổ bê tông ở giữa con đường để xe máy đi lại được thuận tiện, còn hai bên đổ đá không ai có ý kiến gì. Không biết lý do vì sao năm 1997 Nhà nước tiến hành đo đạc giải thửa thì không thể hiện con đường trên bản đồ giải thửa, nên đã cấp giấy CNQSD đất cho ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H không thể hiện con đường đi trong giấy chứng nhận. Năm 2018 Nhà nước tiến hành đo đạc lại toàn bộ đất ở khu vực huyện Đ thì gia đình ông Đào Văn Kh ngăn cản không cho đo đạc con đường để thể hiện trong bản đồ giải thửa và giấy CNQSD đất, nên xảy ra tranh chấp. Nay nguyện vọng của đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kh, bà H phải giữ nguyên hiện trạng con đường từ trước đến nay theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2019 cụ thể: Chiều rộng phía trên giáp con đường đi là 4,6m, chiều rộng phía dưới giáp đường là 3,6m, chiều dài 77,5m đồng thời xin thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013, đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H mà chỉ yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân

huyện Đ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H để thể hiện con đường trên giấy CNQSD đất và bản đồ giải thửa. Ông Kh, bà H không được trồng cây bên mép đường, sau này cây lớn làm ảnh hưởng đến việc đi lại, trường hợp cây trồng có tán lá lấn ra đường ông bà phải có trách nhiệm chặt bỏ.

Đối với con đường đi phía dưới là do ông T sử dụng đất của gia đình để mở đường, không có liên quan đến con đường hiện nay đang tranh chấp, đề nghị Toà án không giải quyết đối với con đường này, nếu ông Kh, bà H có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

** Bị đơn ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H trình bày:*

Năm 2002 ông bà nhận chuyển nhượng của ông H1, bà H2 (không rõ họ, địa chỉ), thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², đã được cấp giấy CNQSD đất đứng tên ông H1, bà H2, không có thể hiện con đường hiện nay đang tranh chấp. Năm 2004 được cấp giấy CNQSD đất đứng tên hộ ông Đào Văn Kh, năm 2013 xin cấp lại giấy chứng nhận đứng tên ông Kh, bà H đều không thể hiện có con đường đi trong giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đã có con đường mòn đi bộ qua rẫy, sau đó người dân đi lại và sử dụng xe trâu, xe cày, xe cày nên con đường mới mở rộng như hiện nay. Khoảng năm 2015 những người dân sử dụng con đường này trong đó có gia đình ông Kh góp tiền và công để làm con đường bê tông như hiện nay. Lý do ông bà ngăn cản không cho thể hiện con đường trên bản đồ giải thửa và Giấy CNQSD đất là vì ông bà muốn chuyển con đường xuống phía dưới để đất được liền thửa nhưng đồng nguyên đơn không đồng ý mới xảy ra tranh chấp. Nay ông bà chấp nhận giữ nguyên con đường theo hiện trạng với điều kiện gia đình ông Kh, bà H phải được sử dụng con đường phía dưới để đi vào rẫy, ông bà cam kết không trồng cây sát với lề đường để sau này cây lớn làm ảnh hưởng đến đường đi chung. Trường hợp đồng nguyên đơn không chấp nhận cho ông bà sử dụng con đường phía dưới thì ông bà cũng không chấp nhận cho đồng nguyên đơn sử dụng con đường hiện nay đang tranh chấp, bởi vì trong giấy CNQSD đất cấp cho ông bà không thể hiện con đường đi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ - người đại diện theo uỷ quyền Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ trình bày:

Năm 2004 ông Đào Văn Kh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Huỳnh Hùng, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy CNQSD đất số X 808988, ngày 26/01/2004 đứng tên hộ ông Đào Văn Kh.

Ngày 30/5/2013, ông Đào Văn Kh có đơn đăng ký biến động về việc gia hạn thời hạn sử dụng đất (do hết thời hạn sử dụng) và đơn xin cấp đổi, cấp lại giấy CNQSD đất, lý do giấy chứng nhận bị rách nát và bổ sung tên vợ là Trần Thị H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận đơn ngày 20/6/2013 và Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy CNQSD đất tại Quyết định số 1481/QĐ-UNMD ngày 22/7/2013. Giấy chứng nhận số BL 848904, thửa đất số 160, tờ

bản đồ số 23, diện tích 16.735m², đứng tên ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kh, bà H đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định hiện hành để giải quyết theo quy định của pháp luật. Uỷ ban nhân dân huyện Đ chỉ thu hồi giấy CNQSD đất sau khi có bản án hoặc quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:*

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 135, Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Quang Th, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn T1, ông Đặng Quang T2 và ông Ngô Đức Ch.

Buộc ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H phải giữ nguyên hiện trạng con đường đang sử dụng, không được ngăn cản việc sử dụng con đường, tình trạng cụ thể: Chiều rộng phía trên giáp đường đi là 4,6m, chiều rộng phía dưới giáp đường đi là 3,6m, chiều dài 77,5m. Con đường này nằm trong thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H, tọa lạc tại: Thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Kiến nghị UBND huyện Đ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H để thể hiện có con đường đi như hiện trạng trên bản đồ giải thửa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/5/2019, bị đơn ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn như sau:

Con đường hiện đang tranh chấp là do các nguyên đơn khai hoang và tạo ra. Sau đó, trong quá trình sử dụng thì cả các nguyên đơn và bị đơn đã cùng góp tiền, công sức để tôn tạo. Chính vì vậy, việc các đồng nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là đúng pháp luật.

Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn yêu cầu giải quyết giữ nguyên con đường theo đúng hiện trạng đang sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn xác định con đường hiện nay đang tranh chấp là do nguyên đơn khai hoang và tự mở đường từ năm 1988 để đi lại vào rẫy làm ăn, sau đó gia đình ông H1 khai hoang thửa đất này nhưng vẫn giữ nguyên con đường, đến năm 2004 chuyển nhượng cho phía bị đơn ông Kh, bà H. Năm 2014 hộ ông Th, ông T, ông T1, ông T2, ông Ch và ông Kh, bà H cùng nhau góp tiền và ngày công đắp bê tông ở giữa con đường hai bên đồ đá không ai có ý kiến gì.

[1.2] Trong khi đó, chính phía bị đơn ông Kh, bà H thừa nhận tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông H1 trên đất đã trồng cây điều và đã có con đường mòn nhỏ đi lại, ông H1 không trồng cây trên con đường này. Đến năm 2008 ông T cho xe trâu đi lại mới rộng ra như hiện nay. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Kh, bà H thừa nhận có góp tiền, ngày công cùng với các hộ sử dụng đất phía trong đồ đường bê tông, thời điểm làm đường ông, bà không có ý kiến gì. Lý do phía bị đơn ngăn cản là do không thể hiện con đường trên bản đồ giải thửa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời vì ông bà muốn chuyển con đường xuống phía dưới để đất được liền thửa nhưng đồng nguyên đơn không đồng ý mới xảy ra tranh chấp. Như vậy, lời khai của nguyên đơn là phù hợp với lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết phía bị đơn còn trình bày chấp nhận giữ nguyên con đường theo hiện trạng đang sử dụng với điều kiện các đồng nguyên đơn phải cho gia đình ông Kh được sử dụng con đường phía dưới để đi vào rẫy. Trường hợp đồng nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn sử dụng con đường phía dưới thì bị đơn cũng không chấp nhận cho đồng nguyên đơn sử dụng con đường hiện nay đang tranh chấp.

Xét thấy, việc ông Kh, bà H chấp nhận giữ nguyên hiện trạng con đường đang sử dụng là phù hợp với nguyện vọng của đồng nguyên đơn. Đối với điều

kiện ông bà đưa ra là phải được đồng nguyên đơn cho ông bà sử dụng con đường phía dưới rẫy. Đối với ý kiến của phía bị đơn thấy rằng, đơn khởi kiện đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải giữ nguyên con đường hiện trạng đang sử dụng, quá trình giải quyết ông Kh, bà H không có đơn yêu cầu phản tố đối với đồng nguyên đơn yêu cầu giải quyết đối với con đường đi phía dưới, nên Toà án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Đồng thời, việc nhận định của cấp sơ thẩm rằng: Trường hợp sau này có tranh chấp đối với con đường này thì phía bị đơn có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ.

[3] Như vậy, có căn cứ xác định con đường hiện nay đang tranh chấp đã có trước thời điểm ông Kh, bà H nhận chuyển nhượng đất của ông H1, bà H2, nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đo đạc không thể hiện có con đường trên bản đồ giải thửa, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1, bà H2 cũng như ông Kh, bà H đều không thể hiện có con đường trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với hiện trạng sử dụng đất trên thực tế. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên toà đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu phải huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H. Xét thấy, việc đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn về việc kiến nghị UBND huyện Đ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H để thể hiện có con đường đi như hiện trạng trên bản đồ giải thửa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kh, bà H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy phía bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

Áp dụng Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 135, Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Quang Th, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn T1, ông Đặng Quang T2 và ông Ngô Đức Ch.

Buộc ông Đào Văn Kh, bà Trần Thị H phải giữ nguyên hiện trạng con đường đang sử dụng, không được ngăn cản việc sử dụng con đường, tình trạng cụ thể: Chiều rộng phía trên giáp đường đi là 4,6m, chiều rộng phía dưới giáp đường đi là 3,6m, chiều dài 77,5m. Con đường này nằm trong thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H, tọa lạc tại: Thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Kiến nghị UBND huyện Đ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H để thể hiện có con đường đi như hiện trạng trên bản đồ giải thửa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL848904, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.735m², cấp ngày 22/7/2013 đứng tên ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H.

4. Án phí sơ thẩm: Ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000800 ngày 12/6/2019 của Cục thi hành án tỉnh Đắk Nông (đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Hoàn trả cho ông Ngô Đức Ch, ông Đặng Quang T2, ông Đặng Văn T1, ông Đặng Văn T, ông Nguyễn Quang Th mỗi người 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0004547; 0004548; 0004549; 0004550 và 0000751 ngày 11/03/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đào Văn Kh và bà Trần Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, vì vậy ông Kh, bà H phải hoàn trả lại số tiền này cho các ông Ngô Đức Ch, ông Đặng Quang T2, ông Đặng Văn T1, ông Đặng Văn T, ông Nguyễn Quang Th.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng

Phan Nhựt Bình

Phạm Công Mười